

DỰ THẢO**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT**

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng Dự án Nạo vét hệ thống thủy lợi cấp bách, thau chua rửa mặn phục vụ sản xuất kết hợp giao thông thủy vùng Bắc và Nam Quốc lộ 1A, tỉnh Bạc Liêu
(địa bàn xã Phước Long, tỉnh Cà Mau)

.....- Hộ ông/bà: Duy Văn Phi - Lưu Thị Trinh

*Số định danh cá nhân: 095072001344 (Phi) - 095174001369 (Trinh)

*Địa chỉ thường trú: Ấp Phước 3B, xã Phước Long, tỉnh Cà Mau.

*Nơi ở hiện nay: Ấp Phước 3B, xã Phước Long, tỉnh Cà Mau.

*Số điện thoại: 0393.623.536

- Thửa đất số: 13; 15

Tờ bản đồ số: 02

- Địa chỉ thửa đất thu hồi: Ấp Phước 3B, xã Phước Long, tỉnh Cà Mau.

- Nguồn gốc đất:

+ Đất của hộ ông Duy Văn Phi và vợ Lưu Thị Trinh quản lý sử dụng, được UBND huyện Phước Long cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 023401 ngày 30/6/2009, diện tích 573,1m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 143 (tờ 40 cũ).

+ Đất của hộ ông Duy Văn Phi và vợ Lưu Thị Trinh quản lý sử dụng, được UBND huyện Phước Long cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 023400 ngày 30/6/2009, diện tích 913,5m², đất ở tại nông thôn: 300,0m², đất trồng cây lâu năm: 613,5m² tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 143 (tờ 40 cũ).

- Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng 1186,6m², diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi 708,0m², tỷ lệ mất đất nông nghiệp là 59,66%.

*** Nhà, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng**

- Miếu thờ (xây dựng năm 2012): Có vách tường xây gạch, mái fibrociment, nền gạch ceramic

+ Diện tích: Ngang 1,3m x dài 0,9m = 1,17m².

- Đường dẫn bê tông có lát đá 4x6 (xây dựng năm 2015).

+ Diện tích: dài 1,0m x ngang 1,4m = 1,4m².

*** Bảng chiết tính bồi thường, hỗ trợ:**

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Hạng mục	ĐVT	Loại đất/ Cấp hạng	Khối lượng	Đơn giá	Hệ số	Hệ số (KT)	Thành tiền
I	Bồi thường và hỗ trợ về đất							329.505.090
I.1	Bồi thường							237.465.090
01	Đất trồng cây lâu năm, thửa đất tiếp giáp tuyến đường đi Chùa Địa Muồng (đường bê tông rộng ≥3,0m) và đường giao thông khác đoạn từ ranh thực hiện Cầu Tây Mập đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (01 mặt tiền đường) (thửa 13)	m ²	CLN	358,10	365.500	1,00		130.885.550

02	Đất trồng cây lâu năm, thửa đất tiếp giáp tuyến đường đi Chùa Địa Muồng (đường bê tông rộng $\geq 3,0\text{m}$) đoạn từ ranh thực hiện Cầu Tây Mập đến giáp ranh xã Vĩnh Thanh (01 mặt tiền đường) (thửa 15)	m ²	CLN	349,90	304.600	1,00		106.579.540
I.2	Hỗ trợ							92.040.000
01	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (thửa 13)	m ²	CLN	358,10	130.000	1,0		46.553.000
02	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (thửa 15)	m ²	CLN	349,90	130.000	1,0		45.487.000
II	Nhà, công trình, vật kiến trúc							2.730.780
01	Miếu thờ	m ²	MI-01.05	1,17	1.588.000	1,00	1,16	2.155.234
02	Đường dẫn bê tông (hỗ trợ 80%)	m ²	SL-01.08	1,40	443.000	0,80	1,16	575.546
III	Cây trồng							14.191.224
III.1	Cây ăn trái							9.196.000
	Xen canh							9.196.000
	Trong mật độ							9.196.000
01	Xoài, mít	Cây	A	1,0	520.000	1,00		520.000
02	Cà na	Cây	A	13,0	460.000	1,00		5.980.000
03	Chuối	Cây	A	2,0	70.000	1,00		140.000
04	Dừa	Cây	A	2,0	800.000	1,00		1.600.000
05	Chuối	Cây	B	3,0	50.000	1,00		150.000
06	Dừa	Cây	B	1,0	606.000	1,00		606.000
07	Chuối	Cây	D	3,0	30.000	1,00		90.000
08	Dừa	Cây	D	1,0	110.000	1,00		110.000
III.2	Cây lấy gỗ							2.120.000
01	Tràm	Cây	B	5,0	250.000	1,00		1.250.000
02	Tràm	Cây	C	1,0	100.000	1,00		100.000
03	Tre, tầm vông	Cây	A	1,0	520.000	1,00		520.000
04	Tre, tầm vông	Cây	C	1,0	250.000	1,00		250.000
III.3	Cây kiểng, cây cảnh							2.748.000
01	Cau	Cây	C	18,0	150.000	1,00		2.700.000

02	Bông trang	m ²	B	0,96	50.000	1,00		48.000
III.4	Hoa Màu							127.224
01	Khoai các loại	m ²		6,84	18.600	1,00		127.224
IV	Các chính sách hỗ trợ khác							19.512.151
IV.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất							3.295.051
01	Hỗ trợ ổn định sản xuất (mức hỗ trợ bằng tiền bằng 0,01 lần số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân theo phương án được phê duyệt nhưng không thấp hơn 2.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân và không vượt quá 20.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân)				329.505.090	0,01		3.295.051
IV.2	Hỗ trợ ổn định đời sống							16.217.100
01	Hỗ trợ ổn định đời sống	Đối tượng được cấp GCN	Số khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Giá gạo trung bình/kg	Kg/tháng/khẩu		Thành tiền
		Cá nhân	5	6	18.019	30,00		16.217.100
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:							365.939.245

Bảng chữ: Ba trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi chín ngàn, hai trăm bốn mươi lăm đồng

Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất mà chấp hành tốt kế hoạch thu hồi đất, chủ trương, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng trước thời hạn thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng 0,01 lần số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được phê duyệt nhưng không thấp hơn 2.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân và không vượt quá 20.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân:

3.659.392 đồng/hộ

Ghi chú:

- Theo Công văn số 05/HĐBT ngày 29/05/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã Phước Long về việc cung cấp xét duyệt về nguồn gốc đất; thời điểm xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ nhà ở; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp; tỷ lệ phần trăm mất đất nông nghiệp, số nhân khẩu và nghề nghiệp của người bị ảnh hưởng Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án Nạo vét hệ thống thủy lợi cấp bách, thau chua rửa mặn phục vụ sản xuất kết hợp giao thông thủy vùng Bắc và Nam Quốc lộ 1A, tỉnh Bạc Liêu: hộ ông Duy Văn Phi và vợ Lưu Thị Trinh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên phần đất nông nghiệp bị ảnh hưởng Dự án (ông Duy Văn Phi, bà Lưu Thị Trinh làm vườn; bà Duy Ngọc Hân làm vườn; ông Duy Thiện Trí học sinh; bà Trần Ngọc Gia Tuệ trẻ em).